

**UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
Hệ, bậc đào tạo: Đại học/Chính quy**

Thanh Hóa, 2019

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH**

(Ban hành theo QĐ số 1347/QĐ-ĐHHD ngày 27/08/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành cử nhân QTKD được xây dựng lần đầu tiên vào năm 2002 với hình thức đào tạo theo hệ thống niên chế. Đến năm 2008 chương trình đào tạo điều chỉnh, bổ sung và đào tạo theo hình thức tín chỉ, năm 2011 chương trình được đào điều chỉnh bổ sung làm mới theo hướng lấy người học làm trung tâm, tăng thời gian thực hành thực tập. Năm 2016 chương trình được điều chỉnh làm mới đáp ứng yêu cầu quy định về khung chương trình đào tạo của bộ nhằm nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu đơn vị tuyển dụng. Năm 2017 chương trình đào tạo tiếp tục được điều chỉnh theo hướng chuẩn năng lực kiến thức và kỹ năng. Năm 2019 chương trình đào tạo được xây dựng mới và điều chỉnh tập trung kiến thức chuyên môn và phát huy tối đa năng lực người học đáp ứng nhu cầu xã hội. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo QTKD của các trường đại học lớn trong nước như Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Thương Mại, đại học Quốc Gia Hà Nội; Các chương trình đào tạo cử nhân QTKD của các trường đại học trên thế giới như Hàn quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Vương quốc Anh.

Chương trình đào tạo ngành Đại học Quản trị kinh doanh gồm 47 học phần (tương đương 121 tín chỉ), trong đó có 34 học phần bắt buộc (97 tín chỉ) và 13 học phần tự chọn (24 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 2: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 3: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 4: gồm 08 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 5: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 6: gồm 07 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 7: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 8: gồm 02 học phần thay thế/KLTN và thực tập TN, 11 tín chỉ);

- Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 05 học phần (13 tín chỉ);
- Khối kiến thức khoa học xã hội gồm 04 học phần (08 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngoại ngữ gồm 03 học phần (10 tín chỉ);
- Khối kiến thức Toán -Tin học-Khoa học tự nhiên-Công nghệ-Môi trường gồm 04 học phần (10 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở gồm 07 học phần (18 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành gồm 18 học phần (43 tín chỉ);
- Kiến thức bổ trợ tự do gồm 04 học phần (08 tín chỉ);
- Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp (11 tín chỉ);

Ngành quản trị kinh doanh có đội ngũ giảng viên giảng dạy trình độ cao trong đó có 1 PGS, 14 tiến sĩ, còn lại là thạc sĩ. Các giảng viên đều có năng lực chuyên môn cao, được sinh viên tín nhiệm, được đào tạo từ các trường đại học uy tín trong nước như Trường Đại học Kinh tế quốc Dân, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường đại học Thương Mại, ...và các trường đại học trên thế giới như thuộc các nước Thái Lan, Philipin, Thụy sĩ, Đài Loan, Anh, Newzealand. Cơ sở vật chất đào tạo khang trang với hệ thống phương tiện phục vụ giảng dạy nghiên cứu được trang bị đầy đủ, hệ thống phòng thực hành tin, kế toán, siêu thị thực hành quản trị được đưa vào ứng dụng trong giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học sát với thực tiễn từ phát huy và hoàn thiện các năng lực, kỹ năng của học viên.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Quản trị kinh doanh
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Business Administration
Mã ngành đào tạo:	7340102
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ:	121
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh THPT hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo (121 tín chỉ); - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4,0); - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất; - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự khởi nghiệp, thành lập doanh nghiệp với vai trò giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Trưởng các phòng ban, bộ phận, phân xưởng, ca sản xuất, tổ kinh doanh trong các doanh nghiệp; - Cán bộ, chuyên viên quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, đặc biệt có lợi thế trong các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong

	<p>lĩnh vực sản xuất và thương mại tại các vị trí như: quản trị chiến lược, nhân sự, bán hàng, marketing, tài chính, bảo hiểm, sản xuất, kinh doanh, quan hệ khách hàng, quản trị thông tin, thương hiệu, kênh phân phối ...Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án, giám đốc kinh doanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý hoặc trợ lý trong quản trị doanh nghiệp, nhà hàng, khách sạn, siêu thị, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, - Chuyên viên phân tích và tư vấn các vấn đề về thị trường và quản trị doanh nghiệp, nhân viên tác nghiệp trong các tổ chức kinh tế. Làm giám sát cho các nhân hàng hoặc giám sát khu vực cho các công ty; - Nguyên cứu viên, giảng viên tại các viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp và trung tâm nghiên cứu.
Học tập nâng cao trình độ	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT ngành QTKD	Ngày 15 tháng 11 năm 2019

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống và sức khỏe tốt. Có đầy đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng cần thiết về quản trị và quản trị kinh doanh; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, hiệu quả nhằm giải quyết những vấn đề trong quản trị và quản trị kinh doanh; có trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) bậc 3/6 và tin học đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học và đơn vị tuyển dụng.

Sinh viên tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để tiếp tục học tập, bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn ở trình độ cao hơn, đáp ứng với yêu cầu của xã hội.

3.2. Mục tiêu cụ thể

M1: Hiểu biết về kiến thức kinh tế, kiến thức quản lý; có kiến thức chuyên sâu về quản trị như hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát trong các lĩnh vực quản trị kinh doanh tổng hợp. Vận dụng kiến thức quản trị vào thực tiễn quản lý, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề trong tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

M2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng HCM, hệ thống pháp luật Việt Nam; về quốc phòng-an ninh và thể dục thể thao vào quá trình học tập, nghiên cứu, quản lý điều hành các tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

M3: Hiểu biết sâu sắc về tâm lý học trong quản trị kinh doanh, đạo đức, pháp luật trong kinh doanh và vận dụng kiến thức đó vào trong quá trình học tập, nghiên cứu, quản lý điều hành các tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

M4: Trình độ Tiếng Anh người học đạt được tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; trình độ tin học thành thạo, sử dụng công nghệ thông tin trong khai thác thông tin và truy cập Internet, các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, hợp đồng kinh tế phục vụ công tác quản lý tài chính và các lĩnh vực chuyên môn, quản lý.

M5: Có khả năng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác; khả năng tự học tập suốt đời.

M6: Có kỹ năng giao tiếp, tư duy khoa học, hoạch định, làm việc nhóm; giải quyết vấn đề; ra quyết định; kỹ năng tự quản trị và các kỹ năng mềm khác để học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

M7: Có phẩm chất đạo đức tốt; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

4.1. Kiến thức

** Kiến thức chung*

C1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt nam, pháp luật Việt Nam, quốc phòng - an ninh vào trong hoạt động học tập, nghiên cứu, quản lý kinh doanh và cuộc sống.

C2: Hiểu và vận dụng được kiến thức về tự nhiên, khoa học xã hội, văn hoá, địa lý, tâm lý học trong quản trị kinh doanh, đạo đức, pháp luật trong kinh doanh vào trong quá trình học tập, nghiên cứu, quản lý điều hành các tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

C3: Hiểu và sử dụng thành thạo kiến thức ngoại ngữ tin học, phương pháp nghiên cứu vào trong quá trình học tập, nghiên cứu, quản lý điều hành các tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

** Kiến thức chuyên môn*

C4: Hiểu được các kiến thức về kinh tế, quản lý, kinh doanh và vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản lý, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề trong tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

C5: Hiểu được các kiến thức về chuyên sâu về quản trị như hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát trong các lĩnh vực quản trị kinh doanh tổng hợp và vận dụng kiến thức vào

thực tiễn quản lý, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề trong tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

C6: Hiểu biết sâu sắc về các kiến thức chuyên sâu như nhân sự, tài chính, marketing, bán hàng, quản trị chất lượng và vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản lý, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề trong tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

4.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung*

C7: Kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải;

C8: Kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác;

C9: Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao;

C10: Đạt trình độ Tiếng Anh tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, vận dụng để nghe hiểu, giao tiếp được bằng tiếng về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

C11: Đạt trình độ tin học cơ bản, sử dụng công nghệ thông tin trong khai thác thông tin và truy cập Internet, các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, hợp đồng kinh tế phục vụ công tác quản lý tài chính và các lĩnh vực chuyên môn. Sử dụng thành thạo phần mềm kinh tế lượng, tin học kế toán, tin học ngân hàng phục vụ công tác quản lý và kinh doanh.

** Kỹ năng chuyên môn*

C12: Thực hiện các hoạt động về tổ chức và phát triển doanh nghiệp như tuyển dụng và đào tạo nhân sự, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, nghiên cứu tìm hiểu thị trường, khách hàng;

C13: Hoạch định, tổ chức và thực hiện và kiểm tra các công việc liên quan đến hoạt động quản trị trong các tổ chức hành chính sự nghiệp cũng như doanh nghiệp;

C14: Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế tài chính ở tầm vi mô;

C15: Giao tiếp, đàm phán và thiết lập các mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp và thực hiện các hợp đồng kinh doanh; thuyết trình, truyền thông trong quản trị kinh doanh.

4.3. Kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm

C16: Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động quản lý kinh tế; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh với khách hàng.

C17: Có năng lực tự lập, sáng tạo và dẫn dắt về chuyên môn, có khả năng chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn;

C18: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; Có phẩm chất đạo đức tốt; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của CTĐT																	
	Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung					Kỹ năng chuyên môn				NL tự chủ và tự chịu trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18
M1				3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	3
M2	3	3					3	4								4		4
M3	3	3	3													3	4	3
M4			3	3			3	4	3	4								4
M5			3	3	3	3	4	3	3	4	3	4	3	4	3	3	4	4
M6	4	4	4	5	5	5	5	5	5	5	4	4	5	4	4	5	4	4
M7	4	4	5	5	4	5	5	4	4	5	5	5	4	4	5	4	5	5

Ghi chú: Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo. Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng. Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Hồi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách.

6. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Giảng viên chuẩn bị bài giảng, nắm vững nội dung giảng dạy chuẩn bị hồ sơ lên lớp gồm đề cương, giáo trình, danh sách theo dõi quá trình học tập của sinh viên đầy đủ theo yêu cầu của từng học phần (được ghi trong đề cương chi tiết). Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Giảng viên chủ động đấu mối với các bộ phận có liên quan để chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, phòng học phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và thực hành của sinh viên.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động

não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp lớp học đảo ngược, thực hành, thăm quan thực tế doanh nghiệp...(áp dụng cho các tiết học thực hành, thực tế)

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

6.2. Các phương thức đánh giá

Có nhiều hình thức và phương pháp đánh giá được áp dụng trong quá trình giảng dạy như đánh giá sự chuyên cần, đánh giá kiến thức, đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ, cụ thể:

- Đánh giá quá trình (30%): Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ (20%): Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc đồ án môn học.

- Đánh giá cuối kỳ (50%): Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, làm bài tập lớn.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức chung 41 tín chỉ	Bắt buộc	35
		Tự chọn	6
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 69 tín chỉ	Bắt buộc	51
		Tự chọn	18
3	Kiến thức rèn nghề, thực tập 5 tín chỉ	Bắt buộc	5
		Tự chọn	0
4	Khóa luận/học phần thay thế 6 tín chỉ	Bắt buộc	6
		Tự chọn	0
Tổng số: 121 tín chỉ			

2. Danh sách và mô tả các học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
A	Kiến thức giáo dục đại cương (41 TC)			
I	Lý luận chính trị (13TC)			
1	196055	Triết học Mác-Lênin* (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được lý luận triết học Mác – Lênin, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học; sinh viên có khả năng vận dụng được lý luận để nhận thức và cải tạo thế giới; sinh viên có được các phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị vững vàng.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: 1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2019.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1- Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG, 2005 2. Văn kiện đảng toàn tập tập: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế; quá trình công nghiệp hóa, hiện đại</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: 1. Bộ giáo dục, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin</i>, Nxb CTQG, 2019.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1. Văn kiện đảng toàn tập tập: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>

			<p>hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin; có khả năng tư duy, phân tích và nhận diện được bản chất của các quan hệ kinh tế, xử lý các quan hệ lợi ích trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào các quá trình kinh tế quốc tế; sinh viên có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.</p>	<p>2- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2004.</p>
3	196065	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học* (2 tín chỉ)</p>	<p>- Nội dung học phần: Những tri thức cơ bản, cốt lõi lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội khoa học: đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề văn hóa, xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học; có khả năng tư duy, đánh giá và giải quyết đúng đắn những vấn đề chính trị- xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>-Bộ GD&ĐT 2019 Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB CTQG</p> <p>2 Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (2018) do Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ đạo biên soạn.</p> <p>2- Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011; 2016)</i>, NXB CTQG.</p>
4	198030	<p>Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam* (2 tín chỉ)</p>	<p>- Nội dung học phần: Những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong sự nghiệp xây</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1-Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, NXB CTQG, 2019.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1.Bộ GD&ĐT (2006), <i>Giáo Trình Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQG.</p>

			<p>dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018).</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên có phương pháp tư duy khoa học về lịch sử; có nhận thức, niềm tin đối với sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy được truyền thống tốt đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p>	
5	197035	Tư tưởng HCM* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học TT Hồ Chí Minh. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TT Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng cộng sản và Nhà nước Việt nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; đạo đức văn hóa, con người.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh; có năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mac – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; lý giải, đánh giá đúng đắn được các hiện tượng xã hội, hiểu rõ cơ sở lý luận, tính khách quan quan, khoa học của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; có khả năng rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2017), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn (2003), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.</p>
6	197030	Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: <i>Những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i>; Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Lê Văn Minh (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB Lao động</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Giáo trình lý luận nhà</p>

			<p>chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.</p>	<p>nước và pháp luật/ Lê Minh Tâm NXB CAND, 2008</p> <p>2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, NXB CAND</p>
II	Khoa học xã hội (8TC)			
7	156012	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành kinh tế và QTKD (2 tín chỉ)</p>	<p>Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế - quản trị kinh doanh. Nội dung của học phần tập trung vào các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học cụ thể như viết tiểu luận, làm bài tập lớp, làm đề tài NCKH, viết luận văn.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Trần Tiến Khai, <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế</i>, Nxb Lao động xã hội, 2014.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>-. Nguyễn Văn Thắng, <i>Giáo trình Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, Nxb ĐH KTQD, 2014</p> <p>-. Phương pháp nghiên cứu khoa học, PGS.TS Vũ Ngọc Pha, Nxb Lao động xã hội, 2013</p> <p>- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, <i>Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1,2</i> Nxb Hồng Đức, 2008</p>
8	121005	<p>Cơ sở văn hoá Việt Nam (2 tín chỉ)</p>	<p>Nội dung học phần: khái niệm về văn hoá và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; Nhận diện được các vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Trần Ngọc Thêm (1999), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, Nxb GD, HN.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>-Trần Quốc Vượng 2002</p>

			<p>đến hiện đại; Các thành tố của văn hóa Việt Nam, bản sắc văn hóa Việt Nam.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày, giảng giải được về những thành tố cơ bản của văn hóa; Biết nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc. Từ đó, vận dụng để phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.</p>	<p>Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB GD</p> <p>- Đào Duy Anh (2000) Việt Nam văn hóa sử cương, NXB VHTT HN</p> <p>- Phan Kế Bình(1999) Việt Nam phong tục NXB VHVH HN</p>
9	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>			
	123340	Môi trường và con người (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần:Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường;thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viênbiếtphát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>. Nxb GD</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Mai Đình Yên (chủ biên) (1997): <i>Môi trường và con người</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p>
	196025	Logic học đại cương (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về khái niệm, kết cấu lôgic, quan hệ giữa các khái niệm, các thao tác mở rộng, thu hẹp</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Vương Tất Đạt, “Lôgic học đại cương”, NXB Chính trị Quốc Gia</p>

			<p>khái niệm; phán đoán, các loại phán đoán; quy luật tư duy, nội dung, yêu cầu và ý nghĩa của các quy luật cơ bản của tư duy; suy luận các hình thức suy luận, giả thuyết, chứng minh và bác bỏ, ngụy biện.</p> <p>Năng lực đạt được: Kết thúc học phần người học nắm vững được các kiến thức về khái niệm, phán đoán, các quy luật tư duy, suy luận, giả thuyết, chứng minh, bác bỏ; giải quyết thuần thục các bài tập ứng dụng; hình thành ở người học tư duy nhanh nhạy, chính xác, lập luận chặt chẽ, chứng minh, bác bỏ thuyết phục; cách trình bày, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc; biết</p>	<p>2000</p> <p>- PGS.PTS. Tô Duy Hợp, PGS. Nguyễn Anh Tuấn, “Lôgic học”, Nxb Đồng Nai 1997</p> <p>2.Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Bùi Thanh Quát – Nguyễn Tuấn Chi, “Giáo trình Lôgic học hình thức dùng cho sinh viên khoa Luật”, Trường Đại học tổng hợp - Khoa luật;</p>
	281005	Tâm lý học trong quản lý kinh doanh (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Tổng quan về Tâm lý học quản lý kinh doanh; đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại; đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh; vấn đề về giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên phát hiện, đánh giá đúng được đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh và giải quyết tốt được các vấn đề trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, trong tuyển mộ, tuyển chọn, sử dụng, quản lý, bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Nguyễn Bá Dương – Đức Uy (2007), giáo trình Tâm lý học kinh doanh, NXB Thống kê</p> <p>2.Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Nguyễn Hữu Thụ (2013), Tâm lý học quản trị kinh doanh, NXB ĐHQG Hà Nội</p> <p>- Nguyễn Thị Thu Hiền (2000), Tâm lý học quản trị kinh doanh, NXB Thống kê.</p> <p>- Nguyễn Quang Uẩn (2002), Tâm lý học đại cương, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.</p>
10	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>			
	125225	Địa lý kinh tế Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Nghiên cứu các nguyên tắc và quy luật về TCSX; thực trạng và định hướng sử dụng nguồn lực phát triển KTXH của Việt Nam. Đánh giá các vấn đề phát triển</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Bộ môn địa lý, Địa lý kinh tế xã hội Việt nam ĐHHĐ, NXB ĐH Sư phạm, 2008</p>

			<p>KTXH bao gồm: tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế, các ngành kinh tế và phân vùng kinh tế ở Việt Nam. Đánh giá khả năng hội nhập của Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa; nghiên cứu các tổ chức liên kết kinh tế có mối quan hệ với Việt Nam.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, đánh giá được hệ thống các vấn đề KTXH; biết xây dựng tiêu chí đánh giá, xác định ưu thế của lãnh thổ, lập được kế hoạch phát triển ngành; xác định định hướng phát triển của lãnh thổ nghiên cứu. Sinh viên biết tính toán, xử lý các dữ liệu thống kê KTXH, lựa chọn các tiêu chí đánh giá và vận dụng vào thực tiễn.</p>	<p>2. Học liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lê Thông, GT Địa lý kinh tế xã hội Việt nam, NXB ĐH Sư phạm, 2002
	151075	Lịch sử kinh tế quốc dân (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Học phần đưa ra quy trình phát triển kinh tế của một số quốc gia tiên tiến trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô, Các nước đang phát triển và ASEAN. Từ đó rút ra vài học phát triển kinh tế cho Việt Nam.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học phân tích được mô hình phát triển kinh tế của các nước 1 cách tổng hợp và chính xác. Vận dụng được những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế của các nước trên thế giới vào việc hiểu và nhận biết quá trình phát triển kinh tế thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, từ đó rút ra được xu hướng vận động khách quan của các mô hình phát triển kinh tế.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trí Đình, Phạm Huy Vinh, Trần Khánh Hưng, Giáo trình Lịch sử kinh tế, NXB ĐHKQTĐ, 2013 <p>2. Học liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Chí Đình, Phạm Thị Quý, Giáo trình Lịch sử kinh tế, NXB ĐH KTQĐ, 2008
	196030	Lịch sử các học thuyết kinh tế	<p>Nội dung học phần: Hoàn cảnh, điều kiện ra đời các tác phẩm tiêu biểu, nội dung các học thuyết kinh tế trọng thương, trọng nông, kinh tế chính trị tư</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, NXB ĐHKQTĐ, 2005

		(2 tín chỉ)	<p>sản cổ điển, tiểu tư sản, học thuyết Mác Lênin, các học thuyết kinh tế hiện đại.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực phân tích những ưu điểm, những hạn chế của các học thuyết kinh tế, đồng thời người học cũng tiếp thu có chọn lọc, bổ sung và phát triển những thành tựu của các học thuyết kinh tế; áp dụng các học</p>	
III Ngoại ngữ (10TC)				
11	133031	Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực Bậc 2.2 theo KNLNNVN; có khả năng hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp với những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày (như thông tin về gia đình, bản thân, hỏi đường, việc làm ...); có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có khả năng tự học, xây dựng kế hoạch và làm việc nhóm; biết khai thác thông tin trên Internet để phục vụ công việc học tập.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1.Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson (2012). <i>English File–Elementary 3rd edition</i>: Oxford University Press</p> <p>2.TS.Nguyễn Thị Quyết (2018) <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>1.Raymond Murphy (2013). <i>Grammar In Use</i>. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành .NXB Thời đại</p> <p>2.Cambridge ESOL (2015). <i>Cambridge Preliminary English Test</i> 2. Cambridge University Press.</p>
12	133032	Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Ôn luyện và phát triển kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực Bậc 3.1 theo KNLNNVN; Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Christina Latham–Koenig, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011). <i>English File (Pre - Intermediate), 3rd edition</i>, Nxb Văn hoá thông tin</p> <p>2. TS.Nguyễn Thị Quyết (2018) <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B</i>. Nhà</p>

			<p>đó; có khả năng viết đoạn văn đơn giản với các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động nhóm; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản; khả năng xây dựng kế hoạch, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin trên Internet cho học tập.</p>	<p>xuất bản Thanh Hoá</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Raymond Murphy (2013). <i>Grammar In Use</i>. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành NXB Thời đại.</p> <p>2. Cambridge ESOL (2013). Cambridge <i>Preliminary English Test</i></p> <p>3. Cambridge University Press.</p> <p>3. Cambridge ESOL (2014). Cambridge <i>Preliminary English Test</i></p> <p>4. Cambridge University Press</p>
13	133033	<p>Tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)</p>	<p>Nội dung học phân: Củng cố và nâng cao kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cùng các kỹ năng ngôn ngữ.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực Bậc 3 theo KNLNNVN; Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện Có khả năng xây dựng kế hoạch tự học và làm việc nhóm tốt hơn; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản rõ ràng và chuẩn mực hơn; độc lập và sáng tạo trong tư duy.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET</i>. Richmond Publishing.</p> <p>2. TS. Nguyễn Thị Quyết (2018) <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Raymond Murphy (2013). <i>Grammar In Use</i>. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại.</p> <p>2. Cambridge ESOL (2011). Cambridge <i>Preliminary English Test</i> 5. Cambridge University Press.</p> <p>3. Cambridge ESOL (2015). Cambridge <i>Preliminary English Test</i> 6. Cambridge University Press</p>

IV	Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên (10TC)		
14	114025	Toán cao cấp (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần giới thiệu khái quát về lý thuyết tập hợp, hệ thống số thực và số phức, quan hệ và suy luận logic; Các kiến thức cơ bản về ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân của hàm số một biến số.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học về toán cao cấp để giải quyết một số bài toán chuyên ngành thông thường.</p> <p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh, <i>Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB Giáo dục (2008, 2002). 2. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh, <i>Bài tập Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB Giáo dục 2000, 2001, 2003. <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên) - Phí Mạnh Ban, <i>Đại số tuyến tính</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2006. 2. Nguyễn Tiến Quang - Lê Đình Nam, <i>Cơ sở Đại số tuyến tính</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016. 3. Vũ Tuấn, <i>Giáo trình Giải tích toán học</i>, Tập 1, 2, NXB Giáo dục, 2011.
15	114005	Xác suất thống kê (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Biến cố, xác suất của biến cố, các tính chất của xác suất, các công thức tính xác suất; Đại lượng ngẫu nhiên rời rạc và đại lượng ngẫu nhiên liên tục, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên: kỳ vọng, phương sai, trung vị, môđ, ... ; Các quy luật phân phối xác suất quan trọng: phân phối nhị thức, phân phối Poisson, phân phối mũ, phân phối chuẩn, phân phối đều, phân phối Student, ...; Vectơ ngẫu nhiên và các đặc trưng của vectơ ngẫu nhiên; Luật số lớn, xấp xỉ phân bố nhị thức bằng</p> <p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào Hữu Hồ: <i>Xác suất và Thống kê</i>, Đại học Quốc gia HN NXB GD, 2006 - Phạm Văn Kiêu: <i>Lý thuyết xác suất và thống kê toán học</i>, Đại học Quốc gia HN, NXB GD, 1995 <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào Hữu Hồ, <i>Hướng dẫn giải các bài toán Xác</i>

			<p>phân bố chuẩn và phân bố Poisson, định lý giới hạn trung tâm và mở đầu về quá trình Markov; mô hình thống kê, lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định, tương quan và hồi quy.</p> <p>Năng lực đạt được: Vận dụng các kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê để giải quyết một số vấn đề thực tiễn và xử lý các số liệu thống kê, ước lượng hoặc kiểm định thông tin thuộc các lĩnh vực như kinh tế, dân số, xã hội, kỹ thuật, ...</p>	<p><i>suất - Thống kê</i>, Đại học Quốc gia HN, NXB GD, 2006</p>
16	173080	Tin học (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về khai thác và sử dụng máy tính: tổng quan về tin học, máy tính, hệ điều hành Windows, mạng máy tính, Internet, các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính ms</p> <p>ột cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc: 1.Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, 2015, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB ĐHSP. Nxb TT&TT</p> <p>2. Tài liệu tham khảo: -Hàn Viết Thuận Giáo trình tin học đại cương- NXB ĐHKQTĐ, 2007</p>
17	151090	Lý thuyết mô hình toán kinh tế (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần đề cập tới các mô hình tối ưu ứng dụng trong phân tích hành vi của các tác nhân kinh tế. Trên cơ sở nguồn lực có giới hạn các tác nhân luôn muốn đạt mục tiêu tối đa, với công cụ toán học phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu nhất và phân tích tác động của một số yếu tố ngoại sinh tới hành vi; Những phương pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc: - Hoàng Đình Tuấn, <i>Lý thuyết mô hình toán kinh tế</i>, Nxb KTQD, 2015</p> <p>2. Tài liệu tham khảo: - Lê Đình Thuý, <i>Toán cao cấp cho các nhà kinh tế</i>, ĐHKQTĐ phần 1 2008, P2 2007 - Nguyễn Quang Đông, Ngô Văn Thứ, Hoàng</p>

			<p>trong quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ.... Phân tích mô hình và tìm lời giải cho vấn đề tối ưu của các nhà quản lý; Phân tích và dự báo mô hình cân đối liên ngành, một số các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng, phân tích và dự báo các mô hình kinh tế. Từ đó kiến nghị những quyết định lựa chọn tối ưu nhất cho các tác nhân kinh tế.</p>	<p>Đình Tuấn, Giáo trình <i>Mô hình toán kinh tế</i>, Nxb Thống kê, 2006</p> <p>- Hoàng Đình Tuấn, <i>Mô hình toán kinh tế</i>, Nxb ĐHKQTĐ, 2007.</p>
V	Giáo dục thể chất			
1	191004	Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bóng chuyền, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo, chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân; bài tập thể dục tay không 9 động tác.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào.....</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Nguyễn Đại Dương (CB) (2006), <i>Điền Kinh</i>, NXB, TĐTT.</p> <p>2. Học liệu tham khảo:</p> <p>- Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2006), <i>Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học</i>, NXB, TĐTT, Hà Nội</p> <p>- Nguyễn Xuân Sinh (2008), <i>Thể dục</i>, NXB, TĐTT.</p>
2	Giáo dục thể chất 2 (<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>)			
A	191031	Bóng chuyền (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tu thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyển bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt)</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tu thế chuẩn bị, các kỹ thuật</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>-Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB, ĐHSPT.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>-Tổng cục thể thao (2015), <i>Luật Bóng chuyền và</i></p>

			di chuyển, chuyển bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.	<i>Bóng chuyền bãi biển</i> , NXB, TĐTT. - Th.S Đinh Văn Lãm (2006) <i>Giáo trình Bóng chuyền</i> , Nxb TĐTT.
B	191032	Thể dục Aerobic (2 tín chỉ)	Nội dung học phần: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc. Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc; tự rèn luyện nâng cao thể chất.	Tài liệu bắt buộc - Đinh Khánh Thu (CB) (2014), <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i> , NXB, TĐTT. Tài liệu tham khảo - Nguyễn Xuân Sinh (2008), <i>Thể dục</i> , NXB, TĐTT. - Th.S Vũ Thanh Mai (CB) (2011) <i>Khiêu vũ thể thao</i> , nxb TĐTT
C	191033	Bóng đá (2 tín chỉ)	Nội dung học phần: Các bài tập chiến thuật tấn công, phòng thủ trong thi đấu Bóng đá, luật bóng đá (Sân 11 người, 7 người, 5 người). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu và trọng tài Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá (Đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má.); Tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.	Tài liệu bắt buộc -Phạm Quang (2007), <i>Giáo trình bóng đá</i> , NXB, TĐTT. Tài liệu tham khảo - Tổng cục thể thao, Luật thi đấu bóng đá(2014), nxb TĐTT - Ủy ban thể dục thể thao, Luật thi đấu bóng đá 7 người(2001), nxb TĐTT. - Tổng cục thể thao, Luật thi đấu bóng đá 5 người (2011), nxb TĐTT
D	191034	Bóng rổ (2 tín chỉ)	Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật dẫn bóng, chuyển bóng bằng 1 tay, 2 tay). Các kỹ thuật tại chỗ ném rổ tựa bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật móc xuôi, móc ngược trong bóng rổ.	Tài liệu bắt buộc -Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo, Nguyễn Quốc Dân (2003), <i>Giáo trình bóng rổ</i> , NXB, TĐTT. Tài liệu tham khảo -Tổng cục thể thao, Luật

			<p>Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bằng 1 tay trên cao; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.</p>	<p>Bóng rổ, TĐTT, 2015</p> <p>- Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB Đại học Thái Nguyên.</p>
E	191035	Vovinam - Việt võ đạo (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (Tur thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>-Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008), <i>Kỹ thuật Vovinam-Việt võ đạo tập 1</i>, NXB, TĐTT.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>-Nguyễn Chánh Tứ (2014), <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam- Việt võ đạo</i>, NXB, TĐTT.</p> <p>-Nguyễn Chánh Tứ (2014) <i>Vovinam phân thể nhu khí công- quyền 2</i>.nxb TĐTT</p>
VI		Giáo dục quốc phòng - an ninh	<p>Nội dung học phần: Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được nguồn gốc, bản chất chiến tranh, tính tất yếu và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc để nhận thức đúng quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, chiến tranh nhân dân bảo vệ</p>	

			Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp kinh tế xã hội với quốc phòng - an ninh; vận dụng nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (80 TC)			
I	Kiến thức cơ sở khối ngành (18 TC)			
18	151050	Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: gồm tổng quan về kinh tế học, lý thuyết về cung - cầu, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất, cấu trúc thị trường, những thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích và giải quyết được các tình huống cụ thể liên quan đến hành vi của doanh nghiệp, người tiêu dùng và chính phủ; xác định được các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ cụ thể trong nền kinh tế.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- PGS.TS Nguyễn Văn Dân, ThS. Nguyễn Hồng Nhung, Giáo trình Kinh tế vi mô I, NXB Tài chính, 2017</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>PGS.TS Vũ Kim Dũng và PGS.TS Nguyễn Văn Công, Giáo trình kinh tế học tập 1, ĐH KTQD, 2018</p> <p>Tài liệu tham khảo: - PGS. TS Nguyễn Văn Dân, Kinh tế học vi mô, NXB Tài chính năm 2009.</p>
19	151061	Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: gồm đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô: lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được để tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. Từ đó phân tích, đánh giá xu hướng phát triển của nền kinh tế và đưa ra quyết định đầu tư hiệu quả.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- PGS.TS Nguyễn Văn Dân, TS Đỗ Thị Thục, Giáo trình Kinh tế vĩ mô I, NXB Tài Chính, 2018.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Vũ Kim Dũng và Nguyễn Văn Công, Giáo trình kinh tế học tập 2, NXB ĐHKQTĐ, 2017. - Nguyễn Văn Ngọc, Hoàng Yến, Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô, NXB ĐHKQTĐ, 2007</p>

20	152048	Nguyên lý thống kê (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê, hình thức thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán mức độ hiện tượng trong tương lai. Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội. Cung cấp dữ liệu cần thiết, làm cơ sở cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô. Đây là các nội dung cơ bản mà các sinh viên cần phải nghiên cứu để vận dụng trong một số môn học khác và trong thực tế.</p> <p>Năng lực đạt được: Xây dựng được phương pháp điều tra phù hợp với nội dung, mục tiêu cần điều tra; Thu thập, sắp xếp, tóm tắt và trình bày dữ liệu thống kê một cách chuẩn xác, khoa học; Xác định rõ từng nhân tố tác động đến hiện tượng phức tạp: chi phí sản xuất, doanh thu, sản lượng, năng suất lao động...; Vận dụng các phương pháp thống kê trong thực tế công tác quản lý kinh tế - xã hội; Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất – kinh doanh – dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>Trần Thị Kim Thu, <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, Nxb ĐHKQTĐ, 2016</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Nguyễn Thị Kim Thuý, <i>Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ</i>, NXB Thống kê, 2009.</p> <p>- PGS. TS Trần Thị Kim Thu, <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐHKQTĐ, 2014</p>
21	153105	Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình tổ chức thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thị Hồng Vân, <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>.(2014), NXB Tài chính, 2014</p>

			<p>toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về nguyên lý kế toán; vận dụng được các phương pháp kế toán trong công tác kế toán doanh nghiệp; Người học có thể tổ chức thu thập, hạch toán, ghi chép kế toán đối với các quá trình kinh doanh chủ yếu; Người học có khả năng lựa chọn và vận dụng hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc thù của từng doanh nghiệp</p>	<p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Tài Chính, 26 <i>chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB tài chính, 2015 - TS. Nguyễn Vũ Việt. Ths. Nguyễn Thị Hồng Vân. Bài tập nguyên lý kế toán, NXB Tài Chính 2011.
22	152140	Tài chính (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ; Khái quát những nội dung cơ bản các khâu trong hệ thống tài chính: tài chính công (NSNN), tài chính doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian, hoạt động thị trường tài chính, ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương, tài chính quốc tế.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học hình thành các kỹ năng như: phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp; phân tích, xử lý các thông tin đã thu thập để đánh giá hoạt động của các khâu tài chính, trung gian tài chính, thị trường tài chính.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Văn Tiến (2011), <i>Tài chính - Tiền tệ</i>, Nxb Thống kê, <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Hữu Tài (2007); <i>Giáo trình lý thuyết tài chính - tiền tệ</i> ; NXB, ĐHKQTĐ - Phạm Ngọc Dũng, Đinh Xuân Hạng (2014); <i>Giáo trình tài chính tiền tệ</i>; NXB Tài chính.
23	254026	Marketing căn bản (2 tín chỉ)	<p>Nội dung: Tổng quan về các quan điểm marketing trong doanh nghiệp; khái niệm môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing trong doanh nghiệp; khái quát về phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng; Chiến lược và các</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> GS - TS Trần Minh Đạo (2013) – Marketing căn bản, NXB ĐH KTQĐ <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Văn Hùng (2013), Marketing căn

			<p>chính sách marketing căn bản.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học phân tích được các nhân tố thuộc môi trường marketing vi mô và vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động marketing của công ty; nghiên cứu được hành vi mua hàng của người tiêu dùng, phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu cho DN mình; lập kế hoạch nghiên cứu marketing cho 1 sản phẩm cụ thể; xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, thiết lập kênh phân phối, xây dựng hoạt động truyền thông cho sản phẩm hoặc công ty.</p>	<p>bản, Nxb KTTPHCM</p> <p>- Philip Kotler (2007), Marketing căn bản, Nxb LĐXH</p> <p>- Lê Quang Hiếu (2016), Quan hệ công chúng, Nxb ĐH Hồng Đức</p>
24	197010	Luật kinh tế (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: bao gồm các kiến thức cơ bản về loại hình doanh nghiệp; các hoạt động thương mại trung gian, xúc tiến thương mại; vấn đề cạnh tranh và giải quyết yêu cầu phá sản; giải quyết tranh chấp thương mại.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học vận dụng soạn thảo được các hợp đồng thương mại; hạn chế các rủi ro xảy ra trong các hoạt động tranh chấp thương mại; thực hiện việc xúc tiến thương mại; tư vấn cho các nhà quản trị doanh nghiệp ra các quyết định trong hoạt động thương mại, giải quyết tranh chấp, tiến hành một số thủ tục khi doanh nghiệp phá sản...</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- TS Nguyễn Việt Tý, GT luật thương mại, NXB CAND, 2008</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>- Nguyễn Hợp Toàn (2008), Giáo trình pháp luật kinh tế, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p>
II	Kiến thức ngành chính (43 TC)			
	Kiến thức chung của ngành chính (22TC)			
25	154015	Khởi sự kinh doanh (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Đặc trưng môi trường kinh doanh hiện nay, những kỹ năng lựa chọn ý tưởng kinh doanh phù hợp; Các nội dung cụ thể của bản kế hoạch kinh doanh; các cách huy động vốn cho việc thực hiện ý tưởng kinh doanh, Các hình thức để bắt đầu kinh doanh như tạo lập doanh nghiệp mới, mua lại công ty và nhượng quyền kinh</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga (2017), Khởi sự kinh doanh, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Nguyễn Phi Vân (2015), Nhượng quyền khởi nghiệp, Nxb Trẻ</p>

			<p>doanh.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học phân tích được ưu, nhược điểm của mỗi ý tưởng kinh doanh mà mình có, có thể tự soạn thảo một bản kế hoạch kinh doanh chi tiết dựa trên ý tưởng của bản thân; đánh giá được ưu, nhược điểm của từng cách thức bắt đầu khởi sự và đưa ra lựa chọn cách thức khởi sự cho ý tưởng kinh doanh của mình.</p>	<p>- Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017), Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Nxb Phụ nữ</p> <p>- Nguyễn Ngọc Huyền (2008), Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp, Nxb ĐH KTQD.</p>
26	154081	Quản trị doanh nghiệp 1* (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cơ bản và thực hành quá trình vận hành một doanh nghiệp như thế nào thông qua các nội dung hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát trong doanh nghiệp; Các phương pháp điều hành doanh nghiệp; cách thức nhận biết và sử dụng thông tin quản trị để ra quyết định trong doanh nghiệp hiệu quả. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được bồi dưỡng thành thạo các kỹ năng quản lý, giao tiếp, tư duy; Kỹ năng xử lý thông tin và ra quyết định; Kỹ năng lãnh đạo nhóm; Kỹ năng hoạch định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch quản trị điều hành doanh nghiệp.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học có đầy đủ kiến thức và kỹ năng làm được các công việc QTDN như Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược hoạt động; Lập mục tiêu và kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp; Thu thập thông tin quản trị và ra quyết định cho các vấn đề trong doanh nghiệp; tự xây dựng kế hoạch khởi nghiệp, điều hành và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Ngô Kim Thanh (2013), Giáo trình Quản trị doanh nghiệp, Nxb KTQD</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Đồng Thị Thanh Phương- Nguyễn Đình Hòa- Trần Thị Ý Nhi, Giáo trình Quản trị doanh nghiệp, NXB Thống Kê 2008</p> <p>- Lê Quang Hiếu, Nguyễn Thị Loan (2019), Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp, Nxb ĐH KTQD.</p> <p>- Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p>
27	152045	Tài chính DN1 (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Tổng quan về nội dung của tài chính doanh nghiệp, vai trò của tài chính doanh nghiệp; các nhân</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- PGS.TS Bùi Văn Vân, PGS.TS Vũ Văn Ninh ,</p>

			<p>tổ chức yếu ảnh hưởng đến quản trị tài chính doanh nghiệp.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp; Xác định chi phí theo từng mục đích quản lý khác nhau của doanh nghiệp; Xác định được điểm hòa vốn để đề xuất phương án sản xuất và tiêu thụ sản phẩm phù hợp cho doanh nghiệp; xác định và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp; xác định được giá trị hiện tại, giá trị tương lai; Đánh giá được mức độ rủi ro của chứng khoán, danh mục đầu tư thông qua các chỉ tiêu đo lường rủi ro; Đánh giá hiệu quả tài chính của các dự án đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.</p>	<p>Giáo trình tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính 2015</p> <p>2.Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn, Giáo trình Tài chính doanh nghiệp NXB ĐH KTQD 2019</p> <p>- TS. Bùi Văn Vân - Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính, 2009</p>
28	151020	Kinh tế lượng (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng như ước lượng và kiểm định giả thiết, phân tích kết quả hồi quy trong các mô hình: hồi quy đơn, hồi quy bội, hồi quy với biến giả; Nghiên cứu các khuyết tật của mô hình hồi quy và cách khắc phục các khuyết tật của mô hình, bao gồm khuyết tật đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, dạng mô hình sai và sai số ngẫu nhiên không theo phân phối chuẩn.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt, phân tích kết quả mô hình đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành các phần mềm Eviews, SPSS trong quá trình phân tích hồi quy.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Giáo trình Kinh tế lượng, GS.TS Nguyễn Quang Đông, TS. Nguyễn Thị Minh, KTQD, 2012</p> <p>2.Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Nguyễn Cao Văn, <i>Lý thuyết xác suất và thống kê toán</i>, Nxb ĐHKQTĐ, 2018</p> <p>- Giáo trình kinh tế học tập I, PGS.TS Vũ Kim Dung, PGS.TS Nguyễn Văn Công, 2013. NXB ĐHKQTĐ</p>
29	153080	Kế toán	Nội dung học phần: Học phần	1. Tài liệu bắt buộc

		tài chính 1 (4 tín chỉ)	<p>giới thiệu và cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khái niệm, nguyên tắc kế toán được thừa nhận trong kế toán doanh nghiệp, nội dung tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước. Kế toán các yếu tố sản xuất bao gồm kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng các nguyên tắc kế toán trong xử lý các tình huống kế toán trong doanh nghiệp, lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp; Thực hiện hạch toán, vào sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết những nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp liên quan đến Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; Kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong các doanh nghiệp.</p>	<p>-GS.TS.NGND Ngô Thế Chi - TS. Trương Thị Thủy (2013) Giáo trình Kế toán tài chính, NXB Tài chính</p> <p>- TS. Lê Thị Hồng, TS. Lê Thị Minh Huệ, Th.S Lê Thị Diệp (2019), câu hỏi và bài tập kế toán tài chính, NXB Tài Chính</p> <p>2. Tài liệu bắt buộc</p> <p>-Bộ tài chính (2015) Chế độ kế toán doanh nghiệp Q1 Hệ thống tài khoản kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC của Bộ tài</p> <p>chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, NXB Tài chính</p> <p>-Bộ tài chính (2015) Chế độ kế toán doanh nghiệp .Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, NXB Lao Động.</p>
30	154090	Quản trị học (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Khái niệm về hoạt động quản trị, nhà quản trị; Sự hình thành và phát triển của quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị; Các chức năng quản trị: Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo và Kiểm tra.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được mục tiêu kế hoạch, chiến lược cho một tổ chức; Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy; xác định được các biện</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- 1.Nguyễn Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà (2013), Quản trị học; NXB Đại học KTQD</p> <p>2.Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Nguyễn Thanh Hội, Phan Thăng- Quản trị học NXB Hồng Đức 2011</p> <p>- Nguyễn Thị Liên Diệp,</p>

			pháp tạo động lực cho người lao động; Áp dụng được các hình thức kiểm tra và đánh giá trong tổ chức.	Trần Anh Minh (2012), Quản trị học nxb VHVN.
31	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
	154005	Hệ thống thông tin quản lý* (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: khái niệm cơ sở của hệ thống thông tin, các yếu tố cấu thành, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của nó trong doanh nghiệp;</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên trợ giúp được hoạt động kinh doanh, trợ giúp ra quyết định và tạo lợi thế cạnh tranh; Quy trình tổ chức và phương pháp tiến hành giải quyết những vấn đề kinh doanh bằng hệ thống thông tin dựa trên cơ sở công nghệ thông tin.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc Đào Văn Thành, Cù Thu Thủy (2007) – Hệ thống thông tin quản lý, NXB học viện Tài Chính</p> <p>2. Tài liệu tham khảo Phạm Thị Thanh Hằng (2007), Hệ thống thông tin quản lý, NXB Khoa học kỹ thuật</p>
	151005	Kinh tế các ngành (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Đặc điểm, vai trò của các ngành, cơ cấu và sự chuyên dịch cơ cấu ngành. Quản lý nguồn lực trong việc phát triển kinh tế ngành, một số hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh và một số phương pháp xét hiệu quả kinh tế trong việc lựa chọn phương án đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được một cách cơ bản về định hướng phát triển các ngành trong nền kinh tế, vận dụng kiến thức quản lý để quản lý tốt hiệu quả các nguồn lực về vốn, tài nguyên, lao động trong sản xuất kinh doanh; tính được hiệu quả kinh tế trong các ngành và quyết định được phương án đầu tư.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Đình Hợi- Kinh tế các ngành sản xuất kinh doanh - Nhà xuất bản tài chính - Năm 2002. - GS. TS Nguyễn Đình Phan, GS. TS Nguyễn Kế Tuấn, Giáo trình Kinh tế và quản lý công nghiệp, NXB ĐH KTQD, 2007.- <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GS.TS. Đặng Đình Đào, Giáo trình Kinh tế thương mại, NXB ĐHKTQD, 2008. - T.S Phạm Ngọc Linh và T.S Nguyễn Thị Kim Dung, Giáo trình kinh tế phát triển. NXB ĐH KTQD, 2008
32, 33	<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>			
	151065	Kinh tế đầu tư (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Đầu tư, đầu tư phát triển, công tác quản lý và kế hoạch hoá hoạt động đầu tư, môi trường đầu</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PGS.TS Từ Quang Phương, GS.TS Phạm

			<p>tư, đầu tư công, đầu tư quốc tế, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng lập một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, thẩm định về mặt tài chính của dự án. Đánh giá hoạt động đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, đầu tư quốc tế và đầu tư công của địa phương và Việt Nam..</p>	<p>Văn Hùng, Giáo trình Kinh tế đầu tư, NXB ĐH KTQD, 2013</p> <p>- PGS.TS Nguyễn Thị Bạch Nguyệt, Giáo trình Lập dự án đầu tư, NXB ĐH KTQD, 2010</p> <p>2.Tài liệu tham khảo:</p> <p>- PGS.TS Nguyễn Thị Bạch Nguyệt, Giáo trình Lập dự án đầu tư, NXB ĐH KTQD, 2008</p>
		Logistics và vận tải quốc tế* (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần “Logistic và vận tải quốc tế” nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất đồng thời nghiên cứu sâu việc tổ chức chuyên chở hàng hoá xuất nhập khẩu bằng các phương thức vận tải khác nhau: đường biển, đường sắt, đường hàng không, container, vận tải đa phương thức...</p> <p>Năng lực đạt được: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về logistics và chuỗi cung ứng, các phương thức vận tải khác nhau. Sinh viên nắm vững các kiến thức này để có thể lựa chọn phương thức logistics và vận tải phù hợp cho công việc sau này</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Đặng Đình Đào, Trần Văn Bảo, <i>Giáo trình quản trị Logistics</i>, NXB Tài chính, 2018</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- <i>Incoterms 2010</i>, NXB Thông tin và Truyền Thông, 2019</p>
	251051	Lập và phân tích dự án đầu tư (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Khái niệm về đầu tư, dự án đầu tư, trình tự và nội dung nghiên cứu dự án đầu tư, công tác lập và quản lý dự án đầu tư. Phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất, phương án tài chính... Các giải pháp thực hiện. Đánh giá tác động của môi trường vĩ mô vào dự án, khả năng thu xếp vốn và khả</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Nguyễn Thị Bạch Nguyệt, Giáo trình lập dự án đầu tư, NXB ĐHKTQD, 2012</p> <p>2.Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng, Giáo trình Kinh tế đầu tư, NXB</p>

			<p>năng cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả xã hội của dự án. Sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản nhất về các công quản lý dự án đầu tư, biết quản lý tiến độ thời gian của dự án.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học lập hoàn chỉnh một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, tự lập bảng tiến độ và quản lý thời gian của dự án; phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất... và các giải pháp thực hiện; Dự tính tổng mức đầu tư của dự án; khả năng huy động và cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả xã hội của dự án.</p>	<p>ĐHKTQD, 2013 - Từ Quang Phương, Giáo trình Quản lý dự án, NXB ĐHKTQD, 2012</p>
Kiến thức chuyên sâu của ngành chính (21 TC)				
34	154065	Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Tổng quan về chiến lược; Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; Phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Xây dựng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp; Chiến lược cấp doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh và chiến lược chức năng; Tổ chức thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành và sử dụng được các kỹ năng, các công cụ cơ bản trong việc phân tích môi trường kinh doanh, hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược cho một doanh nghiệp cụ thể.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>-Ngô Kim Thanh, Lê Văn Tâm (2012), Giáo trình Quản trị chiến lược; NXB Đại học KTQD.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>-Ngô Kim Thanh (2011), Bài tập quản trị Chiến lược, NXB Đại học KTQD</p> <p>-Ngô Kim Thanh, Lê Văn Tâm (2009), Giáo trình quản trị chiến lược, NXB ĐHKTQD.</p>
35	154110	Quản trị sản xuất (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm, lựa chọn sản phẩm và công suất; xác định vị trí cho</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>-Đông Thị Thanh Phương (2011) Quản trị</p>

			<p>doanh nghiệp; hoạch định tổng hợp; lập lịch trình sản xuất, quản trị hàng tồn kho trong doanh nghiệp.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học dự báo được khối lượng sản phẩm để sản xuất; chọn đúng loại công suất, công nghệ, máy móc thiết bị; xác định được vị trí đặt doanh nghiệp tối ưu nhất; tổ chức phối hợp các nguồn lực như: lao động, vốn sao cho hiệu quả nhất; lập lịch trình sản xuất, lên kế hoạch mua, bán hàng để có lượng hàng tồn kho là tối ưu nhất.</p>	<p>sản xuất và dịch vụ (Lý thuyết và bài tập), nxb Lao động Xã hội,</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>-Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung (2016), Quản trị tác nghiệp, Nxb ĐHKQTĐ</p> <p>- Trần Đức Lộc, Bài tập QTSX và tác nghiệp, NXB Tài Chính, 2009</p>
36	154082	Quản trị doanh nghiệp 2 (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều hành, quản trị doanh nghiệp như phân tích đặc điểm lao động của giám đốc doanh nghiệp, cấp quản trị, lĩnh vực quản trị trong DN, phương pháp điều hành doanh nghiệp theo mục tiêu, theo quá trình và theo kết quả, quản trị nhóm và kiểm soát các hoạt động trong doanh nghiệp; thiết lập mô hình kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>Học phần cũng rèn luyện thành thạo các kỹ năng cho người học như kỹ năng quản trị, giao tiếp, thuyết trình, làm việc và lãnh đạo nhóm, xử lý thông tin và ra quyết định, lãnh đạo điều hành doanh nghiệp và kỹ năng xây dựng mô hình kinh doanh.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học hiểu sâu hơn về quản trị doanh nghiệp, tự tin vận dụng kiến thức trong khởi nghiệp và điều hành doanh nghiệp; Quản trị nhóm làm việc hiệu quả; Thiết lập mục tiêu chiến lược dài hạn và cụ thể hoá các kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp; Xây dựng và thực hiện các phương pháp điều hành doanh nghiệp hiệu quả; Xây dựng và đánh giá mô hình kinh doanh khởi nghiệp khả</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>-Ngô Kim Thanh (2013), Giáo trình Quản trị doanh nghiệp, NXB Đại học KTQĐ</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- O'Reilly (2018), Doanh nghiệp Tinh gọn, NXB Công Thương</p> <p>- Lê Quang Hiếu, Nguyễn Thị Loan (2019), Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp, Nxb KTQĐ</p> <p>- Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p>

			thi, hiệu quả.	
37		Quản trị Marketing (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Khái niệm về Quản trị Marketing, khái niệm môi trường kinh doanh, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, kế hoạch chiến lược Marketing, chiến lược marketing hỗn hợp.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên nghiên cứu và lựa chọn thị trường mục tiêu thông qua việc định vị sản phẩm và phân tích nhu cầu của người tiêu dùng. Xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp: sản xuất, thương mại, dịch vụ.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>-Trương Đình Chiến (2014), Quản trị Marketing; NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Philip Kotler (2006), Quản trị Marketing, Nxb Thống kê</p> <p>- Trần Minh Đạo, Marketing Căn bản- NXB Đại học KTQĐ- 2013</p>
38	154105	Quản trị nhân lực (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình các hoạt động chức năng trong công tác quản lý nhân sự (quy trình tuyển dụng, đào tạo và phát triển), xây dựng hệ thống thù lao lao động và duy trì các mối quan hệ lao động trong tổ chức.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học xác định được tầm quan trọng của công tác quản trị nhân lực, nhận diện được các thách thức trong quá trình quản trị nhân lực tại tổ chức, xây dựng được bản mô tả công việc, bản tiêu chuẩn thực hiện công việc làm căn cứ, hoạch định tuyển dụng, đào tạo trong doanh nghiệp; hình thành được các kỹ năng cơ bản về đánh giá thực hiện công việc, khuyến khích tạo động lực, trả thù lao cho người lao động và giải quyết các vấn đề quan hệ lao động trong tổ chức.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- PGS. TS Nguyễn Ngọc Quân, ThS. Nguyễn Văn Điềm, Giáo trình quản trị nhân lực , ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- PGS.TS. Trần Kim Dung, Quản trị nguồn nhân lực, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố HCM, 2015</p>
39, 40	<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>			
	154001	Hành vi người tiêu dùng (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và kỹ năng cơ bản về hành vi người tiêu dùng; hiểu bản chất của các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi của người</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>TS. Vũ Huy Thông, Giáo trình hành vi người tiêu dùng, NXB Đại học KTQĐ, 2014</p>

			<p>tiêu dùng.</p> <p>Năng lực đạt được: Học xong môn học, sinh viên có đủ khả năng để thực hiện các công việc như: đánh giá được mức độ và vai trò ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi của người tiêu dùng, phân tích và đưa ra được các giải pháp đáp ứng nhu cầu của khách hàng tốt hơn, đồng thời tư vấn các giải pháp giúp doanh nghiệp phục vụ khách hàng tốt hơn nữa.</p>	<p>2.Tài liệu tham khảo:</p> <p>- GS.TS Trần Minh Đạo, Giáo trình Marketing căn bản, NXB Đại học KTQD, 2013.</p>
	154070	Quản trị cung ứng (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: cung ứng và quản trị cung ứng; vấn đề tổ chức quá trình nghiệp vụ cung ứng, mua sắm trang thiết bị sản xuất; xác định và dự báo nhu cầu vật tư, nguồn cung cấp; đàm phán trong hoạt động cung ứng.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng thiết lập các mối quan hệ trước để mua hàng, thực hiện các chức năng mua hàng, xác định các nguy cơ và cơ hội trong môi trường cung ứng của doanh nghiệp, phát triển các chiến lược, các kế hoạch thu mua dài hạn.</p>	<p>1.Tài liệu bắt buộc:</p> <p>-Nguyễn Thành Hiếu (2015), Quản trị chuỗi cung ứng, nxb ĐHKQTĐ.</p> <p>2.Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Vũ Minh Đức; PGS. Vũ Huy Thông (2018), Quản trị bán hàng, NXB ĐH KTQD</p> <p>- Nguyễn Thanh Liêm, Nguyễn Phúc Nguyên, Đinh Thị Lệ Trâm, Quản Trị Chuỗi Cung Ứng, NXB Đà Nẵng 2012</p>
	154056	Quản trị DN thương mại (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: khái niệm thương mại và kinh doanh thương mại trong nền kinh tế quốc dân; các nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh thương mại như nghiên cứu thị trường, tạo nguồn mua hàng, dự trữ, bán hàng, xúc tiến bán... Đồng thời học phần cung cấp kiến thức như: quản trị vốn, quản trị lao động, quản trị tài chính...của doanh nghiệp thương mại</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được kế hoạch nghiên cứu thị trường cho 1 sản phẩm hoặc doanh nghiệp; Quản trị các nghiệp vụ trong doanh nghiệp thương mại; Quản trị vốn, chi phí, quản trị lao động trong</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- PGS, Hoàng Minh Đường, Nguyễn Thừa Lộc (2016), Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại, nxb Lao động XH</p> <p>2.Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Ngô Kim Thanh (2013), Giáo trình Quản trị doanh nghiệp , NXB Đại học KTQD</p>

			doanh nghiệp thương mại một cách hiệu quả.	
41, 42	<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>			
41 42	152070	Thống kê doanh nghiệp (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp các thông tin số liệu có liên quan đến quá trình tái sản xuất của các đơn vị có tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam. Nội dung thông tin cần thu thập gồm toàn bộ các yếu tố nguồn lực và chi phí để tái sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; thị trường đầu vào và đầu ra của đơn vị. Xây dựng phương pháp tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị, làm cơ sở cho việc dự báo khả năng phát triển và xây dựng chiến lược sản xuất - kinh doanh của các đơn vị.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng tiến hành điều tra, thu thập thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh; Khả năng tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Khả năng lập được bảng cân đối lao động, bảng cân đối tài sản cho doanh nghiệp; Khả năng xác định và phân tích, đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến giá thành bình quân, năng suất lao động bình quân, tổng DT, tổng lợi nhuận, tổng chi phí của doanh nghiệp, từ đó giúp DN xác định đúng đắn năng lực sản xuất, khả năng cạnh tranh để tìm ra giải pháp tốt nhất để hội nhập và chiếm lĩnh thị trường.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GS.TS Phạm Ngọc Kiểm - PGS. TS Nguyễn Công Nhự - TS Bùi Đức Triệu, Giáo trình thống kê doanh nghiệp, NXB Thống Kê 2017 <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Thị Kim Thu, Giáo Trình lý thuyết thống kê, NXB ĐH KTQD 2016 - Chu Văn Tuấn Giáo trình thống kê doanh nghiệp, NXB Tài chính, 2010
	154097	Kỹ năng	Nội dung học phần: Môn học	1. Tài liệu bắt buộc:

		<p>đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại (2 tín chỉ)</p>	<p>này giới thiệu hai nội dung chính là kỹ năng đàm phán hợp đồng và kỹ năng soạn thảo hợp đồng: Đàm phán, các cách thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đàm phán, những điều nên và không nên trong cuộc đàm phán; các các hình thức của hợp đồng, các loại hợp đồng phổ biến và cách thức và lưu ý khi soạn thảo một hợp đồng thương mại. Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn để rèn luyện kỹ năng đàm phán và soạn thảo những điều khoản của hợp đồng tương ứng.</p> <p>Năng lực đạt được: Học xong môn học này, sinh viên có khả năng tham gia đàm phán hiệu quả với các đối tác (các tổ chức kinh tế, các cá nhân); có thể soạn thảo, xem xét, kiểm tra các loại hợp đồng dân sự, thương mại thông dụng phát sinh trong hoạt động hằng ngày của doanh nghiệp, tổ chức nơi sinh viên làm việc.</p>	<p>- Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), Giáo trình kỹ năng quản trị, nxb ĐHKQTĐ</p> <p>2.Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Nguyễn Viết Tý (2018), Giáo trình luật thương mại Việt Nam, tập 1, nxb Tư pháp;</p> <p>- PGS.TS Hoàng Đức Thân, Giáo trình giao dịch và đàm phán kinh doanh, NXB KTQD, 2012</p>
154002	Quản trị KD quốc tế (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Khái niệm và vai trò của hoạt động kinh doanh quốc tế, Cơ sở hình thành và đặc trưng của hoạt động kinh doanh quốc tế, Các loại hình kinh doanh quốc tế, các nhân tố bên trong ,bên ngoài , môi trường kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế, đàm phán trong kinh doanh quốc tế, liên kết kinh tế khu vực.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế, nắm được tầm quan trọng của hoạt động kinh doanh quốc tế trong thị trường toàn cầu hiện nay và hiểu được các vấn đề văn hóa trong kinh doanh quốc tế; hiểu được</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc</p> <p>- Tạ Lợi, Nguyễn Thị Hương (2016); Giáo trình kinh doanh quốc tế , nxb ĐHKQTĐ</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>- Nguyễn Văn Tuấn- Trần Hòe (2008) Giáo trình thương mại quốc tế- NXB ĐH KTQD 2008</p>	

			môi trường thương mại và đầu tư quốc tế. Hiểu được các chiến lược kinh doanh và cấu trúc tổ chức của công ty đa quốc gia, nghiên cứu được việc quản trị các hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty.	
III	Kiến thức bổ trợ tự do (8TC)			
43	152035	Phân tích hoạt động kinh doanh (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Đối tượng, phương pháp và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cung cấp các nội dung phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Phân tích kết quả sản xuất; Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về phân tích hoạt động kinh doanh; có kỹ năng có năng lực phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất. Phân tích được các yếu tố sản xuất cũng như mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. Vận dụng được các kỹ thuật phân tích để phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PGS.TS. Phạm Ngọc Quang, Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011. <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - TS. Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương, Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB lao động- xã hội, 2007 - Nguyễn Thị My, Phan Đức Dũng, Phân tích hoạt động kinh doanh (lý thuyết bài tập và bài giải) NXB Thống Kê, 2009
44	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
44	151040	Kinh tế quốc tế (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Khái quát về nền kinh tế thế giới, nội dung các mối quan hệ kinh tế quốc tế; Thương mại quốc tế và sự di chuyển các nguồn lực quốc tế, đồng thời học phần cũng chứa đựng các nội dung của Thanh toán quốc tế; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng phân tích được cơ sở mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế quốc</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đỗ Đức Bình & Ngô Thị Tuyết Mai, Giáo trình Kinh tế quốc tế, NXB ĐHQGKTQD, 2012 <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PGS.TS Võ Thanh Thu, Quan hệ Kinh tế quốc tế, NXB LĐXH, 2012. - GS.TS. Hoàng Thị Chinh,

			<p>tế; Nhận biết được các xu hướng của nền kinh tế thế giới, từ đó thay đổi hành vi tạo điều kiện cho sự phát triển một cách phù hợp với thời đại; thực hiện được cơ bản các giao dịch trong thương mại quốc tế như xuất nhập khẩu, chuyển khẩu, gia công quốc tế; Biết rõ cách sử dụng các công cụ trong thương mại quốc tế và phân tích được các tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam và địa phương; Biết cách kinh doanh ngoại hối dựa trên các nghiệp vụ của thị trường và quy đổi giá cả các loại tiền tệ trên thế giới.</p>	<p>Bài tập Kinh tế quốc tế, NXB Thống kê, 2008</p>
	151030	<p>Kinh tế môi trường (2 tín chỉ)</p>	<p>Nội dung học phần: Các khái niệm về Môi trường, tài nguyên, phát triển bền vững, ô nhiễm môi trường; Giải pháp kinh tế thị trường cho ô nhiễm tối ưu; Các chỉ tiêu và phương pháp đánh giá tác động môi trường; Sự khan hiếm các nguồn tài nguyên, nguồn tài nguyên tái sinh và nguồn tài nguyên không tái sinh; Các qui định và nguyên tắc quản lý môi trường.</p> <p>Năng lực đạt được: Từ những hiểu biết cơ bản học phần kinh tế môi trường, người học vận dụng để lý giải được những vấn đề trong thực tế đời sống kinh tế - xã hội, làm các bài tập thực hành. Trên cơ sở đó phải thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề môi trường đang diễn ra trong thực tế.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PGS.TS Nguyễn Thế Chinh – Giáo trình Kinh tế & quản lý môi trường, NXB Thống kê, 2012 <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Thị Thanh Thủy, Bài giảng Luật môi trường, NXB ĐH KTQD, 2017
45	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>			
	151098	<p>Giao tiếp trong kinh doanh (2 tín chỉ)</p>	<p>Nội dung học phần: Khái niệm về giao tiếp, phương pháp giao tiếp, kỹ năng giao tiếp chung, giao tiếp cụ thể, cũng như nghệ thuật thương lượng đối với khách hàng cũng như đối với các đối tượng khác.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên nắm bắt và sử dụng được các kỹ năng giao tiếp cơ bản; Xử lý được các tình huống giao</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>Hoàng Văn Hoa; PGS.Trần Thị Vân Hoa (2018), Giáo trình Giao tiếp trong kinh doanh, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>PGS.Đoàn Thị Hồng Vân (2016), Giáo trình Giao</p>

			tiếp trong môi trường doanh nghiệp; Xử lý và truyền đạt thông tin trong môi trường trong và ngoài doanh nghiệp có hiệu quả cao.	tiếp trong kinh doanh và cuộc sống - NXB Thống kê
154003	Văn hoá kinh doanh (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về Văn hoá kinh doanh (triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân, văn hoá doanh nghiệp, văn hoá trong các hoạt động kinh doanh), xu hướng phát triển văn hoá kinh doanh Việt Nam và thế giới.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học xác lập và xây dựng được văn hoá kinh doanh phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp; xây dựng triết lý, tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp, xây dựng chương trình, phương án phát triển văn hoá kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra môn học còn giúp người học làm quen và vận dụng sáng tạo lý thuyết vào giải quyết các tình huống liên quan đến văn hóa kinh doanh và nắm được các kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng và phát triển văn hóa doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập nhằm khai thác tối đa hiệu quả của các hoạt động kinh doanh như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dương Thị Liễu (2012), Giáo trình văn hoá kinh doanh, nxb ĐHKQTĐ <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - John R. Boatright Ethics and the Conduct of Business (2007), Đạo đức và quản trị kinh doanh) / John R. Boatright USA: Prentice Hall,. - Nguyễn Mạnh Quân (2015), Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty, nxb ĐH Kinh tế Quốc dân 	
151035	Kinh tế lao động (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Lao động và nguồn lao động, các vấn đề cung, cầu, giá cả sức lao động, cạnh tranh trên thị trường lao động. Với các kiến thức này người học có thể hiểu được, phân tích và dự báo sự biến động và lao động trên thị trường thông qua mô hình kinh tế học cơ bản.</p> <p>Năng lực đạt được: Học phần giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về các vấn đề chủ yếu về nguồn nhân lực, vai</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PGS. TS Trần Xuân Cầu, PGS. TS. Mai Quốc Chánh: Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân. Hà Nội, 2012. <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PGS. TS Nguyễn Ngọc Quân, ThS. Nguyễn Văn Điềm: Giáo trình Quản trị nhân lực. Nhà xuất bản Đại 	

			trò của nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế để vận dụng trong điều kiện nguồn nhân lực và phát triển kinh tế tại Việt Nam. Có các kỹ năng cơ bản để phân tích và vận dụng các vấn đề chủ yếu của kinh tế nguồn nhân lực trong điều kiện thực tiễn tại Việt Nam. Từ đó giúp người học có thể nhìn nhận và đánh giá vấn đề thực tiễn một cách khoa học hơn.	học Kinh tế quốc dân. Hà Nội, 2012. - PGS.TS Vũ Thị Mai, TS Vũ Thị Uyên (2019), <i>Giáo trình tổ chức và định mức lao động</i> , NXB ĐH KTQD
46	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>			
46	152055	Thuế (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản về thuế và chính sách thuế của Nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; các sắc thuế hiện hành, đặc điểm cơ bản của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục kê khai, nộp thuế đối với Nhà nước.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học tính và kê khai được số thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ; số thuế thu nhập cá nhân phải nộp từ hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh, từ tiền lương, tiền công và một số hoạt động cụ thể khác theo quy định mà cơ sở kinh doanh phải nộp cho cơ quan thuế.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- TS. Lê Hoàng Bá Huyền, PGS.TS Nguyễn Thị Bất, Giáo trình Chính sách và nghiệp vụ thuế, NXB Lao động, 2016</p> <p>2. Tài liệu tham khảo :</p> <p>- TS. Lê Hoàng Bá Huyền, Câu hỏi và bài tập thuế, NXB Lao động, 2016</p> <p>- PGS.TS Nguyễn Thị Liên và PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, Giáo trình thuế, Nhà xuất bản Tài chính, 2014</p>
	152065	Thị trường chứng khoán (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Tổng quan về thị trường chứng khoán: bản chất, chức năng, cơ cấu của thị trường chứng khoán, các công cụ và các chủ thể tham gia thị trường, vai trò của thị trường chứng khoán; Tổ chức thị trường và các hoạt động chính trên thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán để đầu tư; Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- TS. Bạch Đức Hiền, Giáo trình Thị trường chứng khoán, NXB Tài chính, 2008</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>- TS. Hoàng Văn Quỳnh, Câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán, NXB Tài chính, 2008</p> <p>- PGS. TS. Bùi Kim Yên, Giáo trình Thị trường</p>

			tham gia đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán; Tính giá trị sổ sách của cổ phiếu dựa trên cơ sở số liệu sổ sách kế toán; Tư vấn cho khách hàng tham gia thị trường chứng khoán; Tư vấn cho công ty nên phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng; Xác định giá khớp lệnh của cổ phiếu dựa vào các lệnh đặt ở phiên khớp lệnh định kỳ; Xác định khối lượng giao dịch của phiên khớp lệnh định kỳ.	chứng khoán , NXB Lao động – Xã Hội, 2008
	154099	Thương mại điện tử (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Tổng quan về thương mại điện tử, Cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, An ninh thương mại điện tử, thanh toán trong thương mại điện tử các phương pháp hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh, chiến lược phát triển Website, kiến thức bán hàng trên Web...</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng thiết kế và sử dụng một Website thương mại điện tử...phân tích và nhìn nhận vấn đề một cách khoa học, tư duy sáng tạo, không phiến diện hay theo lối mòn.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Văn Hòe (2015), Thương mại điện tử căn bản, nxb KTQD, <p>2.Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Thị Tuyết Mai (2003) Thương mại điện tử, nxb KHKT - Nguyễn Bách Khoa 2003, Marketing thương mại điện tử , nxb Thống kê
IV	Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp (học phần thay thế khóa luận TN) 11TC			
47	152085	Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào thực tế trong doanh nghiệp như: quản trị nhân sự, tổ chức tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản trị hàng tồn kho, marketing, bán hàng, khởi nghiệp.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng kiến thức tự phân tích đánh giá các vấn đề về quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp, tổ chức từ đó đề xuất giải pháp phù hợp. Kết thúc thực tập sinh viên thực tập thực hiện chuyên đề và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và được giảng viên hướng dẫn đánh giá.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình chính liên quan đến chuyên đề thực tập - Quy định TTTN <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu, giáo trình liên quan đến chuyên đề TTTN

			Thời gian thực tập tốt nghiệp là 8 tuần.	
48	152054	Khoá luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu trong doanh nghiệp.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng kiến thức tự phân tích đánh giá các vấn đề về quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp, tổ chức từ đó đề xuất giải pháp phù hợp. Kết thúc nghiên cứu sinh viên viết báo cáo khoá luận tốt nghiệp và được giảng viên hướng dẫn đánh giá.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình chính liên quan đến chuyên đề khoá luận TN - Quy định viết khoá luận TN <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu, giáo trình liên quan đến chuyên đề khoá luận TN
48	<i>Học phần thay thế KLTN</i>			
	154060	Quản trị bán hàng (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Kỹ thuật bán hàng cho nhà sản xuất, các đại lý bán sỉ, bán lẻ; các chức năng, phương pháp quản lý lực lượng bán hàng hiệu quả. Môn học sẽ đề cập từ những khái niệm về bán hàng, các kiến thức, kỹ năng cần thiết của người bán hàng, đến những kỹ thuật chào hàng, kỹ thuật bán lẻ hàng hóa, các chiến lược bán hàng và quản lý bán hàng hiệu quả. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham quan thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng xây dựng nhận thức, tư duy kinh tế, cách ứng xử trong môi trường kinh doanh hiện đại theo quan điểm quản trị bán hàng hiện đại. Có khả năng tiếp cận và phân tích các hoạt động trong quản trị bán hàng đang diễn ra trên thị trường và qua đó vận dụng cách phân tích, dự báo, chiến lược và các chính sách bán hàng vào hoạt động kinh doanh.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vũ Minh Đức; PGS. Vũ Huy Thông (2018), Quản trị bán hàng, NXB ĐH KTQD <p>2. Tài liệu tham khảo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quang Minh (2015), Quản trị kinh doanh và các kỹ năng bán hàng hiệu quả tập 1, nxb Lao động.

	154040	Quản lý chất lượng (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và kỹ năng cơ bản về quản lý chất lượng như kiến thức về sản phẩm và dịch vụ, kiểm tra và kiểm soát chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng và các bước áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong các doanh nghiệp, tổ chức; hiểu bản chất của các công cụ thống kê trong quản lý chất lượng và cách thức áp dụng các công cụ này trong việc kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cho doanh nghiệp, tổ chức.</p> <p>Năng lực đạt được: Học xong môn học, sinh viên có đủ khả năng để thực hiện các công việc như: đánh giá được thực trạng hoạt động quản lý của các doanh nghiệp đang diễn ra như thế nào, tư vấn và xây dựng quy trình áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng cho doanh nghiệp, đồng thời tư vấn các giải pháp giúp doanh nghiệp cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- GS. Nguyễn Đình Phan; Đặng Ngọc Sự (2012), Quản trị chất lượng, nxb ĐHKQTĐ.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Đỗ Thị Đông (2013)-Bài tập QT chất lượng, NXB Kinh tế Quốc dân</p>
Tổng: 121 tín chỉ				

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1 (6 HP, 15 TC)	Học kỳ 2 (6 HP, 16 TC)	Học kỳ 1 (6 HP, 16TC)	Học kỳ 2 (8 HP, 17TC)
1. Triết học Mác-Lênin 2. Cơ sở văn hoá Việt Nam 3. Tiếng Anh 1 4. Tin học 5. Toán cao cấp 6. <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> Môi trường và con người*; Logic học đại cương*; Tâm lý trong quản lý kinh doanh*	1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin 2. Xác suất thống kê 3. Tiếng Anh 2 4. Nguyên lý kế toán 5. Kinh tế vi mô 6. <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Địa lý kinh tế Việt Nam*; Lịch sử kinh tế quốc dân*; Lịch sử các học thuyết kinh tế*); 7. Giáo dục thể chất 2 (<i>Chọn 1 trong 5 HP</i>)	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Pháp luật đại cương 3. Tiếng Anh 3 4. Tài chính tiền tệ 5. Kinh tế vĩ mô 6. Quản trị học	1. Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam 2. Tư tưởng HCM 3. Marketing căn bản 4. Luật kinh tế 5. Lý thuyết mô hình toán kinh tế 6. Quản trị doanh nghiệp 1 7. Nguyên lý thống kê 8. <i>Chọn 1 trong 2 HP</i> (Kinh tế các

7. Giáo dục thể chất 1	Bóng chuyền*; Thể dục Aerobic*; Bóng đá*; Vovinam - Việt võ đạo*		ngành*; Hệ thống thông tin quản lý*).
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1 (7HP; 16 TC)	Học kỳ 2 (6HP; 15 TC)	Học kỳ 1 (7HP; 15 TC)	Học kỳ 2 (2HP; 11 TC)
1. Kinh tế lượng 2. Quản trị doanh nghiệp 2 3. Kế toán tài chính 1 4. <i>Chọn 2 trong 3 HP</i> (Lập và phân tích dự án đầu tư*; Kinh tế đầu tư*; Logistics và vận tải quốc tế*) 5. <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Giao tiếp trong kinh doanh*; Văn hoá kinh doanh*; Kinh tế lao động*) 6. <i>Chọn 1 trong 2 HP</i> (Kinh tế môi trường*; Kinh tế quốc tế*)	1. Quản trị tài chính DN1 2. Quản trị Marketing 3. Quản trị nhân lực 4. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành kinh tế và QTKD 5. <i>Chọn 2 trong 3</i> (Hành vi người tiêu dùng*; Quản trị cung ứng*; Quản trị DN thương mại*)	1. Quản trị chiến lược 2. Quản trị sản xuất 3. Phân tích hoạt động kinh doanh 4. Khởi sự kinh doanh 5. <i>Chọn 2 trong 3</i> (Thống kê doanh nghiệp*; Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại*; Quản trị KD quốc tế*) 6. <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Thuế*; Thị trường chứng khoán*; Thương mại điện tử)	1. Thực tập tốt nghiệp 2. Khoá luận tốt nghiệp 3. <i>Thay thế khoá luận</i> (Quản trị bán hàng*; Quản lý chất lượng*)

Ghi chú: (*) Học phần tự chọn

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Môn học	Chuẩn đầu ra của CTĐT																	
	Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung					Kỹ năng chuyên môn				NL tự chủ và tự chịu trách nhiệm		
	C 1	C 2	C 3	C 4	C 5	C 6	C 7	C 8	C 9	C 10	C 11	C 12	C 13	C 14	C 15	C 16	C 17	C 18
Triết học Mác-Lênin *	3	1	0	1	0	0	2	2	2	0	0	1	0	0	0	2	1	1
Kinh tế chính trị Mác-Lênin *	3	1	0	1	0	0	2	2	2	0	0	1	0	0	0	2	1	1
Chủ nghĩa xã hội khoa học *	3	1	0	1	0	0	2	2	2	0	0	1	0	0	0	2	1	1
Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam*	3	1	0	1	0	0	2	2	2	0	0	1	0	0	0	2	1	1
Tư tưởng HCM*	3	1	0	1	0	0	2	2	2	0	0	1	0	0	0	2	1	2
Pháp luật đại cương	2	3	0	1	0	0	2	2	2	0	0	1	0	0	0	3	1	2
Phương pháp NCKH chuyên	0	0	0	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	3	1	1	1	1

ngành kinh tế và QTKD																		
Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2	2	2	1
Môi trường và con người	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2	2	2	1
Logic học đại cương	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2	2	2	1
Tâm lý học quản lý kinh doanh	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2	2	2	1
Địa lý kinh tế Việt Nam	1	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2	2	2	1
Lịch sử kinh tế quốc dân	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2	2	2	1
Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2	2	2	1
Tiếng Anh 1	0	0	3	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	2	2	2	1
Tiếng Anh 2	0	0	3	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	2	2	2	1
Tiếng Anh 3	0	0	3	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	2	2	2	1
Toán cao cấp	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1
Xác suất thống kê	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1
Tin học	0	0	3	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	2	2	2	1
Lý thuyết mô hình toán kinh tế	0	0	0	1	1	1	1	1	1	2	1	2	2	1	1	1	1	1
Giáo dục thể chất	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Giáo dục quốc phòng	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1
Kinh tế vi mô	2	1	1	3	1	1	2	1	1	2	1	1	1	3	1	2	1	1
Kinh tế vĩ mô	2	1	1	3	1	1	2	1	2	2	1	1	1	3	1	1	1	1
Nguyên lý thống kê	0	0	1	2	1	1	2	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1
Nguyên lý kế toán	0	0	1	2	1	1	2	1	2	2	1	1	1	1	2	1	2	1
Tài chính tiền tệ	0	0	1	2	2	1	2	2	2	1	1	1	2	1	1	1	1	1
Marketing căn bản	0	0	1	2	2	3	2	2	2	1	1	3	2	3	1	3	3	2
Luật kinh tế	2	0	1	2	1	1	2	1	1	2	1	1	1	1	1	3	2	2
Khởi sự kinh doanh	0	0	2	2	3	3	3	3	2	2	1	2	2	2	3	1	2	3
Quản trị doanh nghiệp 1	0	0	2	2	3	3	2	3	3	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Quản trị tài chính DN 1	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kinh tế lượng	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2
Kế toán tài chính 1	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	1
Quản trị học	0	0	2	2	3	3	3	2	3	2	1	2	3	2	3	1	2	2
Hệ thống thông tin quản lý	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kinh tế các ngành	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kinh tế đầu tư	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	
Logistics và vận tải quốc tế	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	
Lập và phân tích dự án đầu tư	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	1
Quản trị chiến lược	0	0	2	2	3	3	2	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2	3
Quản trị sản xuất	0	0	2	2	3	3	2	3	2	2	1	2	2	3	2	1	2	2

Quản trị doanh nghiệp 2	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2	1	2	2
Quản trị Marketing	0	0	2	2	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	1	2	3
Quản trị nhân lực	0	0	2	2	3	3	2	3	3	2	1	3	2	3	2	1	3	2
Hành vi người tiêu dùng	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2	3	2	2
Quản trị cung ứng	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2	1	2	2
Quản trị DN thương mại	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2	1	2	2
Thống kê doanh nghiệp	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2	1	2	2
Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	3	1	2	2
Quản trị KD quốc tế	2	1	1	3	1	1	2	1	1	2	1	1	1	3	1	1	1	1
Phân tích hoạt động kinh doanh	0	0	2	2	3	3	2	2	3	2	1	3	2	2	2	1	2	2
Kinh tế môi trường	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Kinh tế quốc tế	2	1	1	3	1	1	2	1	1	2	1	1	1	3	1	1	1	1
Giao tiếp trong kinh doanh	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2	1	2	2
Văn hoá kinh doanh	0	0	2	2	3	3	2	3	2	2	1	3	2	3	3	1	2	2
Kinh tế lao động	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2
Thuế	0	0	0	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2
Thị trường chứng khoán	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2
Thương mại điện tử	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2
Quản trị bán hàng	0	0	2	2	3	3	3	2	3	2	1	3	2	3	2	1	2	3
Quản lý chất lượng	0	0	2	2	3	3	2	2	2	3	1	3	2	2	2	2	2	3
Thực tập tốt nghiệp	1	1	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Khoá luận tốt nghiệp	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3-Đóng góp cao

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 8 năm 2019

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Thị Mai

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT

Lê Hoàng Bá Huyền